

**1. BẢN ĐĂNG KÝ**  
**XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

*(Theo mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Công văn  
số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021)*



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng 

Ngành: Kinh tế;

Chuyên ngành: Quản trị - Quản lý

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: ĐINH VĂN TOÀN

2. Ngày tháng năm sinh: 05/4/1967; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: 

4. Quê quán: Xã Gia Minh, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 215 A1, Tập thể TCTy Rau Quả, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 1507, Khối 1, Nhà C6, Đô thị Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024 62871860; Điện thoại di động: 0912 102 099; E-mail: [dinhvantoan@vnu.edu.vn](mailto:dinhvantoan@vnu.edu.vn); [dinhvantoanvnu@gmail.com](mailto:dinhvantoanvnu@gmail.com).

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 8 năm 1990 đến tháng 5 năm 1998: Quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành; Chuyên viên Phòng Tài vụ Ban QLDA các công trình điện, Bộ Năng lượng.

Từ tháng 5 năm 1998 đến tháng 02 năm 2001: Quản lý đào tạo; Chuyên viên Ban TCCB&amp;LĐ, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN).

Từ tháng 02 năm 2001 đến tháng 11 năm 2004: Thư ký Tổng giám đốc; Phó chánh Văn phòng kiêm Trưởng phòng Tổng hợp, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam EVN.

Từ tháng 12 năm 2004 đến tháng 8 năm 2005: Phụ trách công tác công nghệ &amp; môi trường; Phó trưởng Ban Khoa học công nghệ - môi trường và viễn thông, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam EVN.

Từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006: Phụ trách KHCN và Hợp tác quốc tế, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Điện lực.



Từ tháng 6 năm 2006 đến tháng 11 năm 2007: Phụ trách KHCN và Hợp tác quốc tế, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực.

Từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008: Phụ trách Hợp tác và phát triển; Phó trưởng Ban Chuẩn bị dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).

Từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2010: Phụ trách Hợp tác và phát triển; Phó trưởng Ban Quản lý dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN.

Từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 7 năm 2011: Phụ trách Hợp tác và phát triển; Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam.

Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 12 năm 2013: Phụ trách cơ quan Đại học Quốc gia Hà Nội; Chánh Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2019: Phụ trách Thanh tra & Pháp chế; Trưởng ban Thanh tra và Pháp chế Đại học Quốc gia Hà Nội; Giảng viên Bộ môn Quản trị Chiến lược, Khoa QTKD (nay là Viện QTKD) - Trường ĐH Kinh tế ĐHQGHN; Kiểm định viên Kiểm định chất lượng giáo dục.

Từ tháng 02 năm 2019 đến nay: Phó giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN; Giảng viên Bộ môn Quản trị Chiến lược, Viện QTKD, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên cao cấp, Chủ tịch Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Phó giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN. Chức vụ cao nhất đã qua: Chánh Văn phòng ĐHQGHN.

Cơ quan công tác hiện nay: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN; Giảng viên Viện QTKD, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

Địa chỉ cơ quan: Tầng 7, Nhà C1T, số 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 37954666.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng, năm: Chưa.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 8 năm 1990, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế năng lượng (số hiệu bằng: A38112).

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 4 năm 1998, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế phát triển (ngày cấp: 16/4/1998).

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Quốc gia Australia (ANU), Úc.

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 10 năm 2011, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế phát triển (số hiệu bằng: 000790).



Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực; Khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học; Quản trị công ty và Quản trị đại học gắn với khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS (nhận bằng năm 2018);

- Đã hướng dẫn: 16 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (2015-2020);

- Đã hoàn thành: 01 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 đề tài Cấp ĐHQG với vai trò chủ nhiệm;

- Đã công bố: 39 bài báo khoa học (chỉ tính các báo cáo đăng trong các kỷ yếu có phản biện, có chỉ số ISBN và các bài báo công bố trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành kinh tế), trong đó 7 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín (5 bài trên hệ thống ISI/Scopus);

- Đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không.

- Số lượng sách đã xuất bản: 03 (01 GT và 02 CK) thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó chủ biên 2, tham gia biên soạn 1;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Công thương (năm 2003); Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG năm 2017; CSTĐ cấp cơ sở trong các năm: 2001-2006, 2008-2010, 2012-2017; Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN các năm: 2012-2017 và năm 2020 về thành tích công bố quốc tế; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an năm 2016; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017)

16. Kỷ luật: Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Đảm nhiệm việc giảng dạy các chuyên đề, học phần đào tạo trình độ thạc sĩ, Giảng dạy một hoặc một số môn học, chuyên đề đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia hướng dẫn học viên viết luận văn thạc sĩ, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề, luận án tiến sĩ; phản biện và chấm luận văn thạc sĩ, chuyên đề và luận án tiến sĩ, với nhiệm vụ cụ thể là:

+ Giảng dạy các môn học, chuyên đề đào tạo trình độ thạc sĩ: Tinh thần doanh nghiệp; Ra quyết định quản trị; Quản trị chiến lược; Quản trị công ty nâng cao; Các lý thuyết quản trị hiện đại cho các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh (tại Viện QTKD), Kế toán (Khoa Kế toán – Kiểm toán) và học phần Quản trị Nguồn nhân lực nâng cao (các



lớp Thạc sĩ Quản trị các tổ chức tài chính, Khoa Tài chính – Ngân hàng).

+ Hướng dẫn học viên viết luận văn thạc sĩ, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề, luận án tiến sĩ, trong số đó: 16 HV đã BV thành công LV và nhận bằng ThS, 1 NCS đã BV thành công và nhận bằng TS (trong 6 năm học từ 2015-2016 đến 2020-2021).

+ Phản biện và chấm luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, quản trị các tổ chức tài chính; chấm chuyên đề và tham gia phản biện, chấm luận án tiến sĩ cấp cơ sở chuyên ngành quản trị kinh doanh theo phân công của Viện Quản trị kinh doanh và quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; định hướng nghiên cứu, tổ chức tập hợp các giảng viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ:

+ Đã tập hợp được một số nhà khoa học là giảng viên, NCS để hình thành 2 nhóm nghiên cứu: 1.) Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo gắn với phát triển doanh nghiệp trong các CSGD ĐH; 2.) Đổi mới quản trị đại học gắn với mô hình Trường Đại học khởi nghiệp và thông lệ tốt trong quản trị công ty. Từ các nhóm nghiên cứu đã góp phần đào tạo 01 TS, 01 Thạc sĩ (giai đoạn từ 2016-2021) và đang đào tạo 02 NCS.

+ Trong các năm từ 2016 đến 2020, đã chủ trì và hoàn thành: 01 đề tài NCKH cấp Đại học quốc gia và 01 đề tài NCKH cấp cơ sở (Trường ĐHKT) về hai chủ đề nghiên cứu trên. Cả 2 đề tài đều được nghiệm thu, thanh lý và được hội đồng đánh giá đạt loại Tốt. Các đề tài NCKH này đã trực tiếp đào tạo được 02 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 2 NCS.

- Tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị các tổ chức tài chính do Trường ĐHKT – ĐHQGHN tổ chức (năm 2018); Chủ trì biên soạn Đề cương môn học Quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức tài chính (đã nghiệm thu và được Hiệu trưởng ban hành để thực hiện từ năm 2018).

- Chủ trì và tham gia biên soạn giáo trình môn học, sách chuyên khảo phục vụ đào tạo:

+ Trong các năm 2014-2015: chủ trì biên soạn 2 chương, tham gia biên soạn 01 chương sách chuyên khảo “Doanh nhân và văn hoá doanh nhân”, NXB ĐHQGHN xuất bản năm 2015;

+ Từ năm 2016-2018: chủ trì biên soạn sách GT Quản trị công ty (đồng chủ biên), NXB ĐHQGHN xuất bản năm 2018;

+ Năm 2019: Chủ trì biên soạn sách CK “Phát triển doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học: từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tiễn Việt Nam” NXB ĐHQGHN xuất bản năm 2019.

Các cuốn sách trên đều được NXB có uy tín (NXB ĐHQGHN) xuất bản và được sử dụng trong giảng dạy và nghiên cứu tại ĐHQGHN.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số thời gian: 9 năm, 2 tháng. Trong đó: từ tháng 6/2006 đến tháng 12/2007 (1 năm, 7 tháng) là Phó Hiệu trưởng tham gia đào tạo, bồi dưỡng (kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Đào tạo nâng cao) tại Trường Đại học Điện lực; từ tháng 12/2007 đến tháng 12/2013 là lãnh đạo tại các đơn vị: Ban QLDA Trường ĐH Dầu khí Việt Nam, Trường



ĐH Dầu khí Việt Nam và Văn phòng ĐHQGHN; từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/7/2021 (7 năm, 7 tháng) giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;

- Trong thời gian tham gia nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, đã hướng dẫn thành công 16 học viên CH (đã nhận bằng Thạc sĩ), 01 NCS (đã nhận bằng Tiến sĩ năm 2018); hiện nay đang hướng dẫn: 3 HV cao học và 1 NCS.

- Cụ thể 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp (giờ chuẩn)		Tổng số giờ giảng dạy trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	7/2015-6/2016			3 ThS			288	288/498/54
2	7/2016-6/2017			3 ThS			198	198/408/54
3	7/2017-6/2018		1	2 ThS			198	198/408/54
3 năm học cuối								
4	7/2018-6/2019			3 ThS			360	360/435/59,6
5	7/2019-6/2020			3 ThS			294	294/369/67,5
6	7/2020-6/2021			2 ThS			443	443/493/67,5

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài  :

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm .....đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; Tại nước: Australia, năm 1997.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp: Trường ĐH Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội; số bằng (chứng chỉ C Tiếng Anh): N 517, năm cấp: 1992.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ C (1992); học Thạc sĩ tại ĐH Quốc gia Australia (ANU), Úc (1995-1997).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ .... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
<b>NCS Chuyên ngành Quản trị kinh doanh</b>								
1	Trương Đức Thao	NCS			Phụ	6/2015-6/2018	Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN	25/7/2018
<b>HVCH chuyên ngành Quản trị kinh doanh</b>								
1	Ngô Lan Anh		HVCH	Chính		6/2015-3/2016	Như trên	06/4/2016
2	Đỗ Phú Quốc		HVCH	Chính		6/2015-3/2016	Như trên	06/4/2016
3	Nguyễn Mỹ Linh		HVCH	Chính		6/2015-5/2016	Như trên	08/6/2016
4	Vũ Văn Minh		HVCH	Chính		5/2016-3/2017	Như trên	14/4/2017
5	Đinh Thị Định		HVCH	Chính		5/2016-3/2017	Như trên	14/4/2017
6	Nguyễn Ngọc Tuấn		HVCH	Chính		3/2017-10/2017	Như trên	23/10/2017
7	Phạm Văn Tuấn		HVCH	Chính		3/2017-10/2017	Như trên	23/10/2017
8	Lê Ngọc Thương		HVCH	Chính		10/2017-6/2018	Như trên	12/9/2018
9	Nguyễn Thùy Dương		HVCH	Chính		6/2018-4/2019	Như trên	24/4/2019



10	Trần Thị Thoa		HVCH	Chính		6/2018-4/2019	Như trên	24/4/2019
11	Nguyễn Hải Chính		HVCH	Chính		6/2018-5/2019	Như trên	10/6/2019
12	Phan Thanh Thúy		HVCH	Chính		02/2020-8/2020	Như trên	26/8//2020
13	Phan Thế Mạnh		HVCH	Chính		02/2020-11/2020	Như trên	26/11//2020
<b>HVCH Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng (Quản trị các tổ chức tài chính)</b>								
14	Nguyễn Mạnh Hà		HVCH	Chính		01/2019-01/2020	Như trên	08/5/2020
15	Nguyễn Thị Minh Thu		HVCH	Chính		01/2019-01/2020	Như trên	08/5/2020
16	Võ Trung Kiên		HVCH	Chính		01/2019-01/2020	Như trên	08/5/2020

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Doanh nhân và văn hóa doanh nhân Việt Nam	CK	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015 ISBN 978-604-62-3388-6	6		15-57; 157-188; 189-211.	Số: 1912/GXN-ĐHKT ngày 29/6/2021
2	Quản trị công ty	GT	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018 ISBN 978-604-968-117-2	5	Chủ biên	13-20; 87-125; 243-271.	Số: 1912/GXN-ĐHKT ngày 29/6/2021
3	Phát triển doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại	CK	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 ISBN 978-	6	Chủ	19-70; 158-202; 203-248;	Số: 1912/GXN-ĐHKT ngày 29/6/2021



học: Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tiễn Việt Nam	604-9870-58-3	biên	295-314.
--	---------------	------	----------

Trong đó, 01 sách Chuyên khảo (số TT: 3) và 01 sách GT (số TT 2) và 2,5 chương sách Chuyên khảo (số TT: 1) do Nhà Xuất bản ĐHQGHN xuất bản mà ứng viên là Chủ biên sau khi nhận bằng TS:

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	<b>ĐT:</b> Tinh thần doanh nghiệp trong quản trị và điều hành trường đại học công lập ở Việt Nam. Đề tài nghiên cứu KHCN cấp cơ sở.	CN	KT.18.07 Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.	Tháng 9/2018 đến Tháng 9/2019	Ngày 16 Tháng 9 năm 2019; Xếp loại: Tốt.
2	<b>ĐT:</b> Nghiên cứu mô hình doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam và đề xuất áp dụng cho Đại học Quốc gia Hà Nội.	CN	QG.16.56. Đại học Quốc gia Hà Nội.	Tháng 6 năm 2016 đến Tháng 01/2019	Ngày 3 tháng 01 năm 2019; Xếp loại: Tốt.

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>Trước khi được công nhận TS</b>								
1	National Working Paper on Training Needs for Mekong River Basin Development	1	TGC	Báo cáo tại Hội nghị quốc tế: “International Workshop on the Mekong River Basin Development Plan BDP - Bridging	<i>Không in kỷ yếu</i>			2000



				Activities”. Hà Nội 8/2000.				
2	Training Needs Assessment and BDP Indicative Training Plan for Vietnam	1	TGC	Báo cáo trình bày tại hội nghị quốc tế: International Conference on the Mekong River Basin Development Plan Program. Ngày 25/6/2003.	<i>Không in kỹ yếu</i>			2003
3	Instructor Training Project in EVN’s Human Resource Development Progress	1	TGC	Báo cáo trình bày tại Hội nghị Đào tạo và phát triển Nguồn nhân lực Điện lực các nước ASEAN, Langkawi, Malaysia, 12/2005.	<i>Không in kỹ yếu</i>			2005
4	Training Needs Assessment & Implementation Plan For Vietnam Rural Electrification	1	TGC	Báo cáo trình bày tại Hội thảo Quốc tế “Rural Electrification Phase II Project’s Capacity Building and Training Needs Workshop”. Hà Nội 8/5/2007.	<i>Không in kỹ yếu</i>			2007
5	Áp dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas để ước lượng đóng góp của nguồn nhân lực vào kết quả sản xuất kinh doanh điện ở Việt Nam thời kỳ 2001-2008	1	TGC	Tạp chí Kinh tế và phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 152 (II), Tháng 2/2010 68-72	2010
<b>Sau khi được công nhận TS</b>								
6	Phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Bắc Kạn: một số vấn đề đặt ra và giải pháp	2	TGC	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN 0866-7120			Số 22, Tháng 11/2015 53-55	2015
7	Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bắc Kạn trong giai	1	TGC	Tạp chí Giáo dục lý luận,			Số 240, Tháng 2/2016	2016



	đoạn mới			ISSN 0868-3492			77-80	
8	The Role of Entrepreneurship Development in Universities to Promote Knowledge Sharing: The Case of Vietnam National University Hanoi	3	TGC	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: "Asia Pacific Conference on Information Management 2016: Common Platform to A Sustainable Society In The Dynamic Asia Pacific". ISBN 978-604-62-6481-1		2	Vietnam National Univesity Press, 10/2016 26-50	2016
9	Start-up in university and university-enterprise partnership: managerial implications for Vietnam	2	TGC	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "The 5 <sup>th</sup> International Conference on Emerging Challenges: Partnership Enhancement – ICECH 2016". ISBN 978-604-93-8961-0			Bach Khoa Publishing House, 11/2016 71-81	2016
10	Hợp tác đại học – doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam	1	TGC	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Chuyên san Kinh tế và kinh doanh ISSN 0866-8612		9	Vol. 32, Số 4 69-80	2016
11	Promoting university startups' development: International experiences and policy recommendations for Vietnam	1	TGC	Vietnam's Socio-Economic Development, ISSN 0868-359X		2	Vol. 22, No. 90, 7/2017 19-42	2017
12	University - Enterprise Cooperation in International Context and Implications for Vietnam	1	TGC	Vietnam Economic Review. ISSN 0868-2984		2	No. 7 (275), 7/2017 32-44	2017



13	Nhân lực du lịch Quảng Bình trước yêu cầu hội nhập ở Việt Nam	2	TGC	Tạp chí Kinh tế và Quản lý ISSN 1859-4565			Số 26 Tháng 6/2018 24-31	2018
14	Phát triển nhân lực du lịch Quảng Bình giai đoạn hội nhập	1	TGC	Tạp chí Quản lý kinh tế ISSN 1859-039X			Số 91, 11+12 /2018 46-58	2018
15	Động lực làm việc của nhân viên hành chính trong trường đại học: Nghiên cứu tại Trường Đại học Thăng Long và hàm ý cho nhà quản trị	1	TGC	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 0866-7120			Số 33, Tháng 11/2018 133-137	2018
16	Phát triển doanh nghiệp trong đại học: kinh nghiệm trên thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam	1	TGC	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN 0866-7120			Số 35, Tháng 12/2018 58-60	2018
17	International Telecommunication Market Penetration: The case of Viettel	1	TGC	Vietnam's Socio-Economic Development, ISSN 0868-359X			Vol.23, Issue 4, No. 96, 32-52	2018
18	Phát triển doanh nghiệp trong trường đại học và những gợi ý chính sách về đổi mới quản trị đại học ở Việt Nam. <a href="https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4201">https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4201</a>	1	TGC	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Chuyên san Kinh tế & Kinh doanh. ISSN 0866-8612; e-ISSN 2588-1108.		3	Vol. 35, No.1 3/2019 83-96	2019
19	Các yếu tố quyết định đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên trong các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam	5		Tạp chí Kinh tế và phát triển ISSN: 1859-0012			Số 261, Tháng 3/2019 30-39	2019



20	Tinh thần doanh nghiệp trong quản trị và điều hành trường đại học: Kinh nghiệm từ Đại học Auckland	1	TGC	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 0866-7120		1	Số 23, Tháng 8/2019 57-60	2019
21	Khởi nghiệp kinh doanh trong các trường đại học công lập ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi sang cơ chế tự chủ	1	TGC	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 0866-7120			Số 30, Tháng 10/2019 111-116	2019
22	Online knowledge sharing in Vietnamese telecommunication companies: An integration of social psychology models. <a href="https://www.kmel-journal.org/ojs/index.php/online-publication/article/view/427">https://www.kmel-journal.org/ojs/index.php/online-publication/article/view/427</a>	3	TGC (Corresponding)	Knowledge Management & E-Learning: An International Journal. ISSN 2073-7904. <a href="https://www.kmel-journal.org/ojs/index.php/online-publication/">https://www.kmel-journal.org/ojs/index.php/online-publication/</a>	Scopus, ESCI CiteScore: 3.3 (năm 2020); Q1-Q2.	3	Vol. 11 No.4, 11/2019, 497-521	2019
23	Nghiên cứu các yếu tố nền tảng cho phát triển doanh nghiệp trong trường đại học	1	TGC	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Số 553, Tháng 11/2019 18-21	2019
24	Tổ chức quản lý trong trường đại học trước yêu cầu đổi mới quản trị đại học và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	1	TGC	Tạp chí Công thương ISSN 0866-7756		2	Số 1, Tháng 01/2020 207-212	2020
25	Entrepreneurial Universities and the Development Model for Public Universities in Vietnam. <a href="https://www.abaca">https://www.abaca</a>	1	TGC	International Journal of Entrepreneurship (IJE) Online-ISSN: 1939-4675; Print-ISSN: 1099-9264.	Scopus, CiteScore: 1.6 (năm 2019); Q3.	1	Vol. 24, Issue 1, 1/2020	2020



	<a href="https://www.abacademies.org/articles/entrepreneurial-universities-and-the-development-model-for-public-universities-in-vietnam-9058.html">demies.org/articles/entrepreneurial-universities-and-the-development-model-for-public-universities-in-vietnam-9058.html</a>			<a href="https://www.abacademies.org/journals/international-journal-of-entrepreneurship-home.html">https://www.abacademies.org/journals/international-journal-of-entrepreneurship-home.html</a>				
26	Quản trị đại học tiên tiến: Những thách thức đặt ra cho các trường đại học Việt Nam	1	TGC	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Số Cuối tháng, Tháng 02/2020 116-121	2020
27	Tự chủ đại học trong giai đoạn chuyển đổi mô hình trường đại học: kinh nghiệm của một số đại học trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam	2	TGC	Tạp chí Công Thương ISSN 0866-7756			Số 8, Tháng 4/2020 196-202	2020
28	Thúc đẩy mô hình doanh nghiệp trong trường đại học công lập trước bối cảnh thúc đẩy tự chủ đại học ở Việt Nam	1	TGC	Tạp chí Công Thương ISSN 0866-7756			Số 11, Tháng 5/2020 196-202	2020
29	Kinh nghiệm quốc tế về quản trị đại học và bài học cho Việt Nam	2	TGC	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 0866-7120			Số 20, Tháng 7/2020 41-45	2020
30	Motivations for Entrepreneurship of Students in Vietnam. <a href="https://www.abacademies.org/articles/motivations-for-entrepreneurship-of-students-in-vietnam-9476.html">https://www.abacademies.org/articles/motivations-for-entrepreneurship-of-students-in-vietnam-9476.html</a>	4	TGC (First Author)	Academy of Entrepreneurship Journal. Print ISSN: 1087-9595; Online ISSN: 1528-2686. <a href="https://www.abacademies.org/journals/academy-of-entrepreneurship-journal-home.html">https://www.abacademies.org/journals/academy-of-entrepreneurship-journal-home.html</a>	Scopus, CiteScore: 1.1 (năm 2020); Q3		Vol.26, Issue 1S, 8/2020 1-9	2020
31	Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện sứ mệnh thứ	1	TGC	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Chuyên san Kinh tế và kinh			Vol. 36, No. 3, 9/2020	2020



	ba và thách thức đối với các trường đại học Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi. <a href="https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4355">https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4355</a>			doanh. ISSN 2615-9287; e-ISSN 2588-1108.			75-84	
32	Sociological and theory of planned behaviour approach to understanding entrepreneurship: Comparison of Vietnam and South Korea. <a href="https://doi.org/10.1080/23311975.2020.1815288">https://doi.org/10.1080/23311975.2020.1815288</a>	4	TGC (Corresponding Author)	Cogent Business & Management. ISSN: 23311975. <a href="https://www.tandfonline.com/toc/oabm20/current">https://www.tandfonline.com/toc/oabm20/current</a>	Scopus, Web of Science, ESCI; CiteScore: 2.0 (năm 2020); Q2-Q3	5	Vol. 7, Issue 1, 9/2020 1-21	2020
33	Vai trò của chính sách trong phát triển doanh nghiệp học thuật Spin-offs từ trường đại học: kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho nhà quản trị	1	TGC	Tạp chí Công thương ISSN 0866-7756			Số 23, Tháng 9/2020 252-260	2020
34	Khởi nghiệp học thuật, mô hình trường đại học khởi nghiệp và hàm ý chính sách cho Việt Nam. <a href="https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4375">https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4375</a>	1	TGC	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh. ISSN 2615-9287; e-ISSN 2588-1108.		1	Vol. 36, No. 4, 12/2020 78-86	2020
35	Các giai đoạn phát triển doanh nghiệp Spin-offs và chính sách hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu từ các cơ sở giáo dục đại học	1	TGC	Tạp chí Công thương ISSN 0866-7756			Số 2, Tháng 1/2021 38-43	2021
36	A dynamic generalized fuzzy	7		PLoS ONE.	ISI, Q1;	3	16 (1),	2021



	multi-criteria group decision making approach for green supplier segmentation. <a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0245187">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0245187</a>			e0245187. <a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0245187">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0245187</a>  Correction: <a href="https://journals.plos.org/plosone/article/metrics?id=10.1371/journal.pone.0251940">https://journals.plos.org/plosone/article/metrics?id=10.1371/journal.pone.0251940</a>	Scopus; CiteScore: 5.3 (năm 2020); IF 3.24 (năm 2020).		25/01/2021 1-13; (Correction : 13/5/21)	
37	Đổi mới quản trị thích ứng với mô hình trường đại học khởi nghiệp và hàm ý chính sách cho các trường đại học công lập Việt Nam	1	TGC	Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia: “Quản trị thông minh trong môi trường phức hợp toàn cầu: Lý luận và thực tiễn”. ISBN: 978 604 336 840-6			Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 01/2021. 22-44.	2021
38	Doanh nghiệp Spin-offs trên thế giới và bài học cho Việt Nam về phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ	1	TGC	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương. ISSN 0868-3808			Số 582+583 02/2021, 37-39.	2021
39	Nghiên cứu doanh nghiệp học thuật Spin-offs từ các trường đại học trên thế giới và những vấn đề đặt ra đối với giáo dục đại học Việt Nam	1	TGC	Tạp chí Khoa học thương mại ISSN 1859-3666			Số 149+150 Tháng 1+2, 2021, 167-176	2021
40	Nghiên cứu mô hình trường đại học khởi nghiệp và quản trị đại học tiên tiến: những gợi ý chính sách cho các trường đại học công lập ở Việt Nam. <a href="https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4295">https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4295</a>	1	TGC	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu chính sách và quản lý. ISSN 2615-9295; e-ISSN 2588-1116. <a href="https://js.vnu.edu.vn/PaM/index">https://js.vnu.edu.vn/PaM/index</a>		1	Vol. 37, No. 1, 02/2021 62-73	2021



41	Đề xuất chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ tại Đại học Quốc gia Hà Nội	1	TGC	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 0866-7120		Số 8, 3/2021, 47-51	2021
42	The Entrepreneurial University Model and Policy Implications for University Governance in Vietnam Public Universities. <a href="http://ijefm.co.in/v4i3/Doc/8.pdf">http://ijefm.co.in/v4i3/Doc/8.pdf</a>	2	TGC; (First Author or)	Journal of Economics, Finance and Management Studies. ISSN (print): 2644-0490, (online): 2644-0504 <a href="https://doi.org/10.47191/jefms/v4-i3-08">https://doi.org/10.47191/jefms/v4-i3-08</a>		Vol. 4 Issue 03, 3/2021, 166-173	2021
43	The Third Mission of Universities: Constraints and Policy Recommendations for the Case of Vietnam. <a href="https://doi.org/10.51594/ijmer.v3i4.222">https://doi.org/10.51594/ijmer.v3i4.222</a>	1	TGC	International Journal of Management & Entrepreneurship Research. P-ISSN: 2664-3588, E-ISSN: 2664-3596. <a href="http://www.fepbl.com/index.php/ijmer">http://www.fepbl.com/index.php/ijmer</a>		Vol.3; Issue 4 5/2021, 144-153.	2021
44	Những nguyên tắc của quản trị đại học tiên tiến và hàm ý chính sách cho Việt Nam	1	TGC	Tạp chí Công thương ISSN 0866-775		Số 12; Tháng 5/2021, 410-417.	2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng Tiến sĩ: 07 bài (số 22, 25, 30, 32, 36, 42, 43); Trong số 05 bài trên ISI/Scopus, ứng viên là tác giả chính 04 bài (số 22, 25, 30, 32), tác giả thành viên 01 bài (số 36).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Sau đại học “Thạc sĩ Quản trị các tổ chức tài chính”	Tham gia	Hợp đồng số: 10/BSĐC-QTCTCTC, 16/3/2018	ĐHQGHN	Quyết định ban hành số: 2110/QĐ-ĐHKT, ngày 08/8/2018	
2	Đề cương học phần “Quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức tài chính”	Chủ trì	Hợp đồng số: 10/BSĐC-QTCTCTC, 16/3/2018	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành số: 2110/QĐ-ĐHKT, ngày 08/8/2018	

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: Không.

### C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Người đăng ký

  
Đinh Văn Toàn

### D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này (Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

  
PHÓ GIÁM ĐỐC  


Tạ Thị Thu Hiền